

**DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA HÓA HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)**  
**HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025**

| STT | MSSV     | HỌ VÀ TÊN               | SỐ TÍN<br>CHỈ ĐĂNG<br>KÝ | SỐ TÍN<br>CHỈ<br>XÉT HB | ĐTB xét<br>HB<br>HK1/24-<br>25 | XL HT<br>HK1/24-<br>25 | XL ĐRL<br>HK1/24-<br>25 | LOẠI<br>HỌC<br>BỔNG | MỨC HỌC BỔNG      | TIỀN HB<br>(VNĐ) | HB KHÁC<br>(VNĐ) | TIỀN<br>THỰC<br>NHẬN<br>(VNĐ) | GHI CHÚ | NGÀNH    |
|-----|----------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------------|------------------------|-------------------------|---------------------|-------------------|------------------|------------------|-------------------------------|---------|----------|
| 1   | 21146009 | Dương Ngọc Trà          | 19                       | 16                      | 9,09                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 25.132.800       |                  | 25.132.800                    |         | Hóa VP   |
| 2   | 21147025 | Nguyễn Dương Thảo Vy    | 12                       | 12                      | 9,23                           | Xuất sắc               | Tốt                     | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 15.703.050       |                  | 15.703.050                    |         | Hóa học  |
| 3   | 21147143 | Nguyễn Văn Ngào         | 10                       | 10                      | 9,24                           | Xuất sắc               | Tốt                     | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 13.372.920       |                  | 13.372.920                    |         | Hóa học  |
| 4   | 21147190 | Phạm Thùy Như           | 12                       | 12                      | 9,03                           | Xuất sắc               | Tốt                     | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 15.703.050       |                  | 15.703.050                    |         | Hóa học  |
| 5   | 21147191 | Phạm Thanh Thảo         | 22                       | 22                      | 9,35                           | Xuất sắc               | Tốt                     | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 35.965.050       |                  | 35.965.050                    |         | Hóa học  |
| 6   | 21247005 | Nguyễn Phạm Đình Chương | 8                        | 8                       | 9,18                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 14.269.800       |                  | 14.269.800                    |         | CNKT Hóa |
| 7   | 21247061 | Ngô Quang Huy           | 8                        | 8                       | 8,8                            | Giỏi                   | Tốt                     | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 15.243.250       |                  | 15.243.250                    |         | CNKT Hóa |
| 8   | 21247163 | Lê Thế Duy              | 12                       | 12                      | 9,7                            | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 27.676.680       |                  | 27.676.680                    |         | CNKT Hóa |
| 9   | 21247194 | Dương Khải Minh         | 14                       | 14                      | 9,09                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 29.978.280       |                  | 29.978.280                    |         | CNKT Hóa |
| 10  | 22147025 | Huỳnh Hoàng Diệu        | 12                       | 12                      | 8,73                           | Giỏi                   | Xuất sắc                | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 21.120.000       |                  | 21.120.000                    |         | Hóa học  |
| 11  | 22147041 | Hồ Gia Huệ              | 12                       | 12                      | 8,88                           | Giỏi                   | Xuất sắc                | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 21.120.000       |                  | 21.120.000                    |         | Hóa học  |
| 12  | 22147105 | Nguyễn Thành Phước      | 12                       | 12                      | 8,74                           | Giỏi                   | Xuất sắc                | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 21.120.000       |                  | 21.120.000                    |         | Hóa học  |
| 13  | 22147118 | Nguyễn Phúc Tài         | 12                       | 12                      | 9,03                           | Xuất sắc               | Tốt                     | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 21.120.000       |                  | 21.120.000                    |         | Hóa học  |
| 14  | 22247047 | Trương Thế Khải         | 12                       | 10                      | 9,02                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 22.686.120       |                  | 22.686.120                    |         | CNKT Hóa |
| 15  | 22247088 | Hồ Hoàng Phúc           | 12                       | 10                      | 8,7                            | Giỏi                   | Xuất sắc                | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 20.795.610       |                  | 20.795.610                    |         | CNKT Hóa |
| 16  | 22247106 | Đỗ Minh Tâm             | 12                       | 10                      | 8,74                           | Giỏi                   | Xuất sắc                | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 20.795.610       |                  | 20.795.610                    |         | CNKT Hóa |
| 17  | 22247133 | Phạm Việt Thùy Trinh    | 12                       | 10                      | 9,06                           | Xuất sắc               | Tốt                     | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 20.795.610       |                  | 20.795.610                    |         | CNKT Hóa |
| 18  | 23147006 | Nguyễn Thế Khang        | 20                       | 14                      | 9,39                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 24.547.680       |                  | 24.547.680                    |         | Hóa học  |
| 19  | 23147012 | Thái Nguyễn Thành Nhân  | 20                       | 14                      | 9,21                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 24.547.680       |                  | 24.547.680                    |         | Hóa học  |
| 20  | 23147036 | Phan Tấn Thành          | 20                       | 14                      | 9,69                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 24.547.680       |                  | 24.547.680                    |         | Hóa học  |
| 21  | 23247004 | Trần Gia Bảo            | 18                       | 14                      | 9,22                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 23.752.560       |                  | 23.752.560                    |         | CNKT Hóa |
| 22  | 23247005 | Lê Hồng Ngọc Giang      | 18                       | 14                      | 8,96                           | Giỏi                   | Xuất sắc                | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 21.773.180       |                  | 21.773.180                    |         | CNKT Hóa |
| 23  | 23247078 | Hà Khánh Linh           | 18                       | 14                      | 8,85                           | Giỏi                   | Xuất sắc                | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 21.773.180       |                  | 21.773.180                    |         | CNKT Hóa |
| 24  | 23247104 | Hứa Như Quỳnh           | 18                       | 14                      | 8,8                            | Giỏi                   | Tốt                     | Giỏi                | 110% HP thực đóng | 21.773.180       |                  | 21.773.180                    |         | CNKT Hóa |

| STT | MSSV     | HỌ VÀ TÊN         | SỐ TÍN<br>CHỈ ĐĂNG<br>KÝ | SỐ TÍN<br>CHỈ<br>XÉT HB | ĐTB xét<br>HB<br>HK1/24-<br>25 | XL HT<br>HK1/24-<br>25 | XL ĐRL<br>HK1/24-<br>25 | LOẠI<br>HỌC<br>BỔNG | MỨC HỌC BỔNG      | TIỀN HB<br>(VNĐ) | HB KHÁC<br>(VNĐ) | TIỀN<br>THỰC<br>NHẬN<br>(VNĐ) | GHI CHÚ                                                 | NGÀNH    |
|-----|----------|-------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------------|------------------------|-------------------------|---------------------|-------------------|------------------|------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------|----------|
| 25  | 24147013 | Phạm Ngọc Bảo     | 15                       | 13                      | 9,56                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 21.330.360       |                  | 21.330.360                    |                                                         | Hóa học  |
| 26  | 24147014 | Huỳnh Minh Dũng   | 15                       | 13                      | 9,42                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 21.330.360       |                  | 21.330.360                    |                                                         | Hóa học  |
| 27  | 24147015 | Trần Ngọc Hoa     | 15                       | 13                      | 9,38                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 21.330.360       |                  | 21.330.360                    |                                                         | Hóa học  |
| 28  | 24147020 | Đinh Ngọc Quý     | 15                       | 13                      | 9,62                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 21.330.360       |                  | 21.330.360                    |                                                         | Hóa học  |
| 29  | 24247087 | Huỳnh Phước Lộc   | 15                       | 11                      | 9,62                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 19.816.800       |                  | 19.816.800                    |                                                         | CNKT Hóa |
| 30  | 24247089 | Phan Đức Mạnh     | 15                       | 11                      | 9,43                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 19.816.800       |                  | 19.816.800                    |                                                         | CNKT Hóa |
| 31  | 24247096 | Lưu Hải My        | 15                       | 11                      | 9,55                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 19.816.800       | 16.514.000       | 3.302.800                     | SV đã nhận HB<br>Đầu vào (100%<br>học phí thực<br>đóng) | CNKT Hóa |
| 32  | 24247097 | Bùi Thanh Ngân    | 15                       | 11                      | 9,33                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 19.816.800       |                  | 19.816.800                    |                                                         | CNKT Hóa |
| 33  | 24247118 | Nguyễn Quốc Thành | 15                       | 11                      | 9,58                           | Xuất sắc               | Xuất sắc                | Xuất sắc            | 120% HP thực đóng | 19.816.800       |                  | 19.816.800                    |                                                         | CNKT Hóa |